

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 10 - 2019

V/v: xin ly hôn; nuôi con chung
và không yêu cầu cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn; nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: tổ 6, ấp H, xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lương Quang T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: tổ 2, ấp H, xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu phố M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2019 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Tôi và anh Lương Quang T tìm hiểu thương yêu nhau trước khoảng 01 năm; được gia đình 02 bên chấp thuận tổ chức lễ cưới vào năm 2017; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2017. Sau khi cưới tôi về bên

chồng sinh sống được khoảng 01 năm; vợ chồng chung sống cũng có đầm ấm hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T chỉ lo cờ bạc; không lo cho gia đình và vợ con; tôi bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống; anh T cũng bỏ nhà đi và hiện tại đang ở nhà trọ Đ thuộc khu phố M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn; tôi yêu cầu Tòa án xét cho tôi được ly hôn đối với anh Lương Quang T.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2018, giới tính: nữ; hiện con đang chung sống với tôi và do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Khi được ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chung sống không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2019 bị đơn anh Lương Quang T trình bày: Việc cô Nguyễn Thị Mỹ L nộp đơn xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn. Về con chung tôi đồng ý giao cho cô L trực tiếp nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn anh Lương Quang T vắng mặt: (không có ý kiến thể hiện việc tranh luận).

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn đối với anh Lương Quang T. Về con chung giao cháu Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2018, giới tính: nữ cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị Mỹ Linh không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có và không tranh chấp, nên không phải giải quyết trong cùng vụ án. Buộc chị Mỹ L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Nguyễn Thị Mỹ L tranh chấp xin ly hôn đối với anh Lương Quang T có nơi cư trú tại ấp H, xã T, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Chỗ ở hiện nay: khu phố M, phường Đ, thành phố P, tỉnh Kiên Giang); nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ và thông báo để các bên đương sự tham gia

phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải đều được kịp thời và đúng quy định của pháp luật; khi bị đơn vắng mặt tại phiên họp Tòa án Thông báo kết quả phiên họp cho họ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Việc bị đơn Lương Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lương Quang T có tìm hiểu thương yêu nhau trước; được cha mẹ hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới và được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Mỹ L trình bày thời gian đầu anh chị chung sống được đầm ấm hạnh phúc; sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T chỉ lo cò bạc; không quan tâm đến vợ con; anh chị tự bỏ nhau và sống ly thân không còn quan tâm tới nhau. Quá trình giải quyết vụ án chị Mỹ L cương quyết xin ly hôn anh T; anh T cũng đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của chị Mỹ L. Tại phiên tòa hôm nay chị Mỹ L cương quyết xin ly hôn anh T; đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa chị Mỹ L và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần giải quyết cho chị Mỹ L được ly hôn đối với anh T.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Lương Quang T trình bày có 01 con chung là Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2018, giới tính: nữ; hiện đang chung sống và do chị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi được ly hôn chị Mỹ L yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; anh T hoàn toàn đồng ý, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mỹ L và anh T trình bày không có tài sản chung và nợ chung; anh chị không tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn đối với anh Lương Quang T.

2. Về con chung: Ghi nhận và giao cháu Lương Thanh T, sinh ngày 20/6/2018, giới tính: nữ cho chị Nguyễn Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Mỹ L không yêu cầu anh Lương Quang T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Lương Quang T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Lương Thanh T của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

- Chị Nguyễn Thị Mỹ L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lương Quang T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lương Thanh T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Mỹ L và anh T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, nên miễn xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Mỹ L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004732 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nên chị Mỹ L không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Vân